CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỆT THIÊN NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

"KHU NHÀ Ở THIÊN NAM, PHƯỜNG TÂN THỚI NHẤT, QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH"

Địa điểm: PHƯỜNG TÂN THỚI NHẤT, QUẬN 12, T.P HỒ CHÍ MINH

QUẬN 12, tháng 04 năm 2022

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỆT THIÊN NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

"KHU NHÀ Ở THIÊN NAM, PHƯỜNG TÂN THỚI NHẤT, QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH"

Địa điểm: PHƯỜNG TÂN THỚI NHẤT, QUẬN 12, T.P HỒ CHÍ MINH

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỆT THIÊN NAM

S.Đ.K.K.D: 042835-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỆT THIÊN NAM
QUẬN 12 TP. HỒ CHÍ MINH

Quận 12, tháng 04 năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH MỤC BẢNG iv
DANH MỤC HÌNH v
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 7
1.1. Tên chủ dự án đầu tư 7
1.2. Tên dự án đầu tư 7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư 7
2.1.1. Công suất của dự án đầu tư: 7
2.1.2. Sản phẩm của dự án đầu tư 7
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư: 7
2.1.3. Trong giai đoạn thi công xây dựng 7
2.1.4. Trong giai đoạn hoạt động 9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư: 9
2.1.5. Vị trí dự án 9
2.1.6. Các đối tượng tự nhiên xung quanh khu vực của dự án 10
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 12
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 12
2.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường 12
CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ 13
3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: 13
3.1.1. Dự liệu về hiện trạng môi trường của dự án 13
3.1.2. Dữ liệu về tài nguyên sinh vật 13
3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án 13

3.3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án..... 13
CHƯƠNG IV. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ..... 16
4.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 16
4.1.1. Thu gom thoát nước mưa:..... 16
4.1.2. Thu gom thoát nước thải:..... 16
4.1.3. Hệ thống xử lý nước thải 17
4.2. Các biện pháp giảm thiểu chất thải..... 20
4.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt:..... 20
4.2.2. Chất thải rắn xây dựng: 21
4.2.3. Chất thải nguy hại: 21
4.3. Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải: 21
4.3.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng… 21
4.3.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình hoạt động xây dựng các hạng mục công trình của dự án 22
4.4. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: 22
4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành (không có)..... 23
4.6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (không có)..... 23
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 24
5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:..... 24
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 25
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư: 25
6.1.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có 25
6.1.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án: không có 25

6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm. 25
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 26

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Nguyên, vật liệu phục vụ công tác thi công 8
Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị trong giai đoạn lắp đặt máy móc 8
Bảng 3.1: Vị trí quan trắc chất lượng không khí tại khu vực Dự án 14
Bảng 3.2: Kết quả phân tích vi khí hậu 14
Bảng 3.3: Kết quả phân tích các mẫu không khí 15
Bảng 5.1: Tiêu chuẩn giới hạn tiếp nhận 24
Bảng 6.1: Kinh phí quan trắc môi trường hằng năm 25

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Vị trí dự án 10
Hình 3.1: Vị trí lấy mẫu hiện trạng của dự án 14
Hình 4.1: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa.....16
Hình 4.2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải 17
Hình 4.3: Sơ đồ bể tự hoại ba ngăn..... 18
Hình 4.4: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tập trung 23 m^3 ngày/đêm 18

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	: Bộ Tài Nguyên và Môi Trường
BYT	: Bộ Y tế
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
DNTN	: Doanh nghiệp tư nhân
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
HTD	: Hàng tiêu dùng
VLXD	: Vật liệu xây dựng
VSATTP	: Vệ sinh an toàn thực phẩm
NT	: Nước thải
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
SX	: Sản xuất
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSS	: Chất rắn lơ lửng
XLNT	: Xử lý nước thải

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên chủ dự án: Công Ty TNHH Thương mại Dệt Thiên Nam.
- Địa chỉ văn phòng: Số 4/1 khu phố 4, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án:

  + Người đại diện: Bà Lê Thị Lan

  + Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0283 8124165
- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên với mã số 0301047160 đăng ký lần đầu ngày 04/02/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/12/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng đăng ký kinh doanh cấp.

1.2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án: Khu nhà ở Thiên Nam, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Quy mô của dự án đầu tư: Dự án thuộc nhóm C (dự án công nghiệp theo quy định tại khoản 4 điều 8 có tổng vốn đầu tư dưới 120 tỷ)

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Dự án có diện tích 5.484,2 m^2, được xây thành các khu nhà ở với tổng là 32 căn

1.3.2. Sản phẩm của dự án đầu tư

Dự án đầu tư thực hiện xây dựng, hoàn thiện dự án và bàn giao cho người dân thực hiện trang trí nội thất và sử dụng

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

1.4.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

➢ *Nhu cầu nguyên vật liệu*

Nguyên, vật liệu phục vụ cho công tác thi công các hạng mục công trình dự án được trình bày chi tiết trong bảng sau đây:

Bảng 1.1: Nguyên, vật liệu phục vụ công tác thi công

STT	Nguyên, vật liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Khối lượng riêng	Trọng lượng (Tấn)
1	Xi măng PC40	Tấn	2.500		2.500
2	Cát	m^3	3.000	1,3 tấn/m^3	3.900
3	Đá dăm	m^3	1.300	1,6 tấn/m^3	2.080
4	Đá 1 ×2	m^3	1.000	1,6 tấn/m^3	1.600
5	Sắt, thép các loại	Tấn	500		500
6	Vật liệu khác (ván khuôn, gỗ,..)	Tấn	50		50
	TỔNG CỘNG (I+II)				**10.630**

➢ ***Nhu cầu nhiên liệu***

Để phục vụ cho hoạt động của các máy móc thiết bị thi công dự án cần sử dụng một lượng dầu DO, định mức tiêu hao nhiên liệu của các thiết bị thi công như sau:

Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị trong giai đoạn lắp đặt máy móc

TT	Tên máy móc	Số lượng sử dụng (cái)	Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít dầu DO/máy/ca) *(Kèm theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng)*	Khối lượng sử dụng (lít dầu DO/ca) *(Tính trong 01 ca – 08 giờ)*
1	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu - 0,80 m^3	01	65	65
2	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu - 1,25 m^3	01	83	83
3	Đầm bánh hơi tự hành - trọng lượng - 9,0 T	01	34	34
4	Đầm bánh thép tự hành - trọng lượng - 6,0 T	01	20	20
5	Xe nâng – 12m	02	25	50
6	Máy khoan cọc nhồi ED	02	59	118
7	Ô tô tưới nước - dung tích - 5,0 m^3	01	23	23
8	Ô tô vận tải thùng - trọng tải - 10 T	02	38	76
9	Ô tô tự đổ - trọng tải - 12,0 T	01	65	65
10	Ô tô tự đổ - trọng tải - 7,0 T	01	46	46
11	Máy bơm nước 10cv	01	05	05
12	Máy ủi công suất 110 cv	01	46	46
	TỔNG CỘNG (Nhu cầu sử dụng tối đa trong 01 ca)			**631**

➢ ***Nhu cầu sử dụng điện***

Lượng điện năng tiêu thụ khoảng 1.500kw/tháng, mục đích sử dụng chủ yếu là phục vụ cho hoạt động thi công tại dự án

➢ ***Nhu cầu sử dụng nước***

Tổng nhu cầu sử dụng nước của giai đoạn xây dựng vào khoảng 5m^3/ngày, được tính dựa trên việc đã xây dựng được 22 căn trên tổng 32 căn.

➢ ***Nhu cầu lao động***

Để hoàn thành các hạng mục công trình, dự án cần sử dụng khoảng 50 công nhân lao động làm việc thường xuyên tại công trường.

1.4.2. Trong giai đoạn hoạt động

➢ ***Nhu cầu sử dụng điện***

Khu nhà ở Thiên Nam, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12 của Công Ty TNHH Thương mại Dệt Thiên Nam sử dụng nguồn điện do Công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lượng điện tiêu thụ trung bình mỗi tháng tại Dự án vào khoảng 3.711,36 KWh/tháng.

Hiện tại dự án hoàn thành 22 căn và được bàn giao cho người dân 02 căn trên tổng 32 căn, lượng điện năng tiêu thụ được ước tính trên 1 căn hộ như sau:

➢ ***Nhu cầu sử dụng nước***

Nguồn cung cấp nước cho dự án là từ hệ thống cấp nước của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, với mục đích chủ yếu là phục vụ cho sinh hoạt tại các căn hộ, tưới cây, ….

Hiện tại dự án đã xây xong 22 căn, nhưng chỉ có 2 căn là đã bàn giao cho người dân và đi vào hoạt động. Căn cứ hóa đơn nước kỳ 7, 8 , 9 của cư dân khu nhà ở Thiên Nam, lượng nước sử dụng trung bình khoảng 60 m^3/tháng, tương đương 2 m^3/ngày. *(Đính kèm hóa đơn nước tại phụ lục)*

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

1.5.1. Vị trí dự án

Khu nhà ở Thiên Nam, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12 tọa lạc tại Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, được xác định:

- Phía Đông Nam: giáp đường Tân Thới Nhất 17 rộng khoảng 8m (lộ giới theo quy hoạch 20m).
- Phía Tây Bắc: giáp đường Đ30 rộng khoảng 5m (lộ giới theo quy hoạch 12m).
- Phía Tây Nam: giáp nhà đất lân cận.
- Phía Đông Bắc: giáp nhà đất lân cận.

Tọa độ ranh giới dự án: 10°49'30"B, 106°37'31"Đ

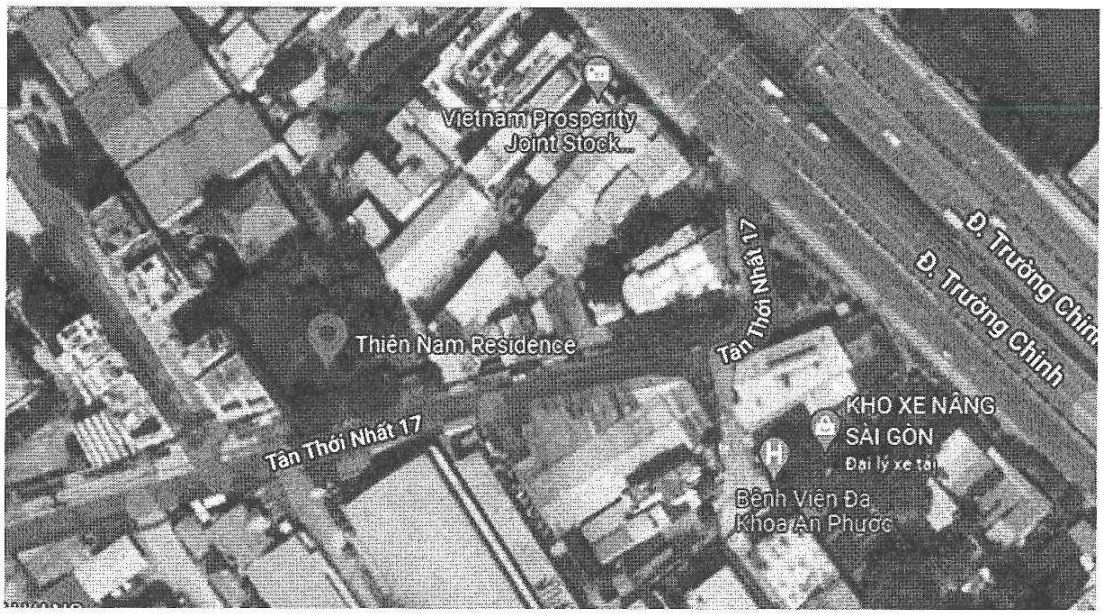

Hình 1.1: Vị trí dự án

1.5.2. Các đối tượng tự nhiên xung quanh khu vực của dự án

- Hệ thống đường giao thông: Khu vực thực hiện dự án có hệ thống giao thông thuận lợi như: Đường lớn Trường Chinh, Đường Tân Thới Nhất 17,... các đường lớn gần khu vực dự án đã được trải nhựa, bề mặt bằng phẳng, ít dốc thoải, khu vực dự án có địa hình cao nên tình trạng ngập úng không xảy ra.

- Hệ thống sông, suối, ao hồ: xung quanh khu vực thực hiện dự án không có sông, suối chảy qua.

- Hệ sinh vật: Tính đa dạng sinh học tại khu vực thực hiện Dự án không cao và không có các loài động, thực vật nằm trong danh sách quý hiếm, cần được bảo tồn. Vì vậy, việc thực hiện dự án sẽ ít gây tác động lớn đến hệ sinh vật tại đây.

Mối tương quan với các đối tượng kinh tế - xã hội tại khu vực

Khi dự án đi vào hoạt động sẽ đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân có thu nhập trung bình khá trong khu vực và các vùng lân cận.

Đầu tư xây dựng khu nhà ở với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, đồng bộ, đảm bảo cân đối được các chỉ tiêu quy hoạch chung của Quận 12 và hài hòa với các khu vực lân cận cũng như đáp ứng được yêu cầu phát triển đô thị trước mắt và lâu dài.

Tạo ra một khu nhà ở thấp tầng có môi trường sống trong lành, thân thiện, hài hòa với cảnh quan xung quanh, đảm bảo các yêu cầu của quy chuẩn và tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam.

Khoảng cách tương đối của nhà xưởng đến các đối tượng kinh tế - xã hội như sau:

+ Cách Trường Mầm non - Tiểu học - THCS - THPT Tuệ Đức Quận 12 khoảng 90m;

+ Cách Bệnh viện Đa Khoa An Phước khoảng 115m;

+ Cách Phim trường Stylish Media khoảng 50m;

+ Cách Trung Tâm Thiên Hòa - Trường Chinh Quận 12 khoảng 100m.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án nằm tại Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã được phê duyệt Quyết định số 447/QĐ-UBND-ĐT ngày 27/02/2018 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Thiên Nam tại phường Tân Thới Nhất, Quận 12 do Công ty TNHH Thương mại Dệt Thiên Nam làm chủ đầu tư nên không ảnh hưởng gì đến quy hoạch chung của khu vực.

Căn cứ Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 26/03/2018 về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu nhà ở Thiên Nam, phường Tân Thới Nhất, Quận 12 do Công ty TNHH Thương mại Dệt Thiên Nam làm chủ đầu tư

2.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án nằm tại Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay dự án đã được xây dựng hoàn thiện các hệ thống, công trình bảo vệ môi trường như hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom, xử lý nước thải cùng với hệ thống đường giao thông và cây xanh cảnh quan đảm theo quy định của pháp luật.

Hiện nay Dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống XLNT với công suất 23 m^3/ngày đêm hoàn toàn có khả năng tiếp nhận và xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ dự án.

- **Các công trình bảo vệ môi trường của Khu nhà ở Thiên Nam**

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa:

- Hiện nay khu vực dự án đã san nền trên nguyên tắc san gạt cục bộ bám sát địa hình tự nhiên nhằm giảm khối lượng đào đắp. Cao hộ nền H = 4m nhằm đảm bảo kết nối với đường Tân Thới Nhất 17, Tân Thới Nhất 30, hướng dốc từ giữa các tiểu khu về phía các tuyến đường.

- Sử dụng hệ thống thoát nước riêng để giải quyết thoát nước cho khu vực. Hệ thống thoát nước được xây dựng bao gồm một tuyến bê tông cốt thép có D600 đặt dọc một tuyến đường nộ bộ, công băng đường sử dụng cống bê tông cốt thép D400, hệ thống thoát nước tại dự án được đấu nối ra tuyến thoát nước đường Tân Thới Nhất 17. Độ dốc dọc cống tối thiểu 1/D (1/đường kính cống), đảm bảo khả năng tự làm sạch cống. Độ chon sâu là 1m

Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

Dự án đã xây dựng một HTXL nước thải với công suất xử lý đạt 23m^3/ngày đêm đủ khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh từ các hoạt động của các nhà dân trong khu nhà ở Thiên Nam

CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:

3.1.1. Dự liệu về hiện trạng môi trường của dự án

Trong quá trình thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án "Khu nhà ở Thiên Nam, phường Tân Thới Nhất, Quận 12". Công ty TNHH thương mại dệt Thiên Nam đã thực hiện lấy mẫu giám sát môi trường hiện trạng môi trường không khí, môi trường đảm bảo quy chuẩn. Hiện tại trong 04 năm qua hiện trạng môi trường không khí xung quanh vẫn đảm bảo.

3.1.2. Dữ liệu về tài nguyên sinh vật

Dự án Khu nhà ở Thiên Nam đã được quy hoạch phân khu và đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh. Hiện trạng hệ sinh thái khu vực rất nghèo nàn, không có loài cây nào có giá trị kinh tế cũng như không có loài động vật quý hiếm nào sinh sống.

3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

- Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là công nước thải trên đường Tân Thới Nhất 17

3.3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Để đánh giá hiện trạng môi trường khu vực Dự án, Chủ Dự án cùng với Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam đã tiến hành đo đạc chất lượng môi trường không khí tại khu vực Dự án vào ngày 29/03/2022, 30/03/2022, 31/03/2022

Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERTS 039 ngày 22/02/2019 (Đính kèm tại phụ lục).

Các mẫu không khí và đất được lấy trong điều kiện vi khí hậu trời nắng, gió nhẹ, nhiệt độ bên ngoài 36,5 – 36,70C.

Chủ dự án đã lấy 02 mẫu không khí dự án. Các kết quả đo đạc tại thời điểm này được coi là số liệu môi trường nền hiện trạng tại khu vực Dự án và sẽ là cơ sở cho việc so sánh, đánh giá mức độ gây ô nhiễm có thể có do hoạt động của Dự án sau khi đi vào hoạt động ổn định.

Vị trí quan trắc chất lượng không khí như bảng sau:

Bảng 3.1: Vị trí quan trắc chất lượng không khí tại khu vực Dự án

STT	MSM	Vị trí thu mẫu	Tọa độ	
			X	Y
1	K1	Khu vực đầu dự án	568 023	1 160 452
2	K2	Khu vực cuối dự án	568 016	1 160 462

Kết quả phân tích các mẫu không khí và vi khí hậu được trình bày tại bảng sau:

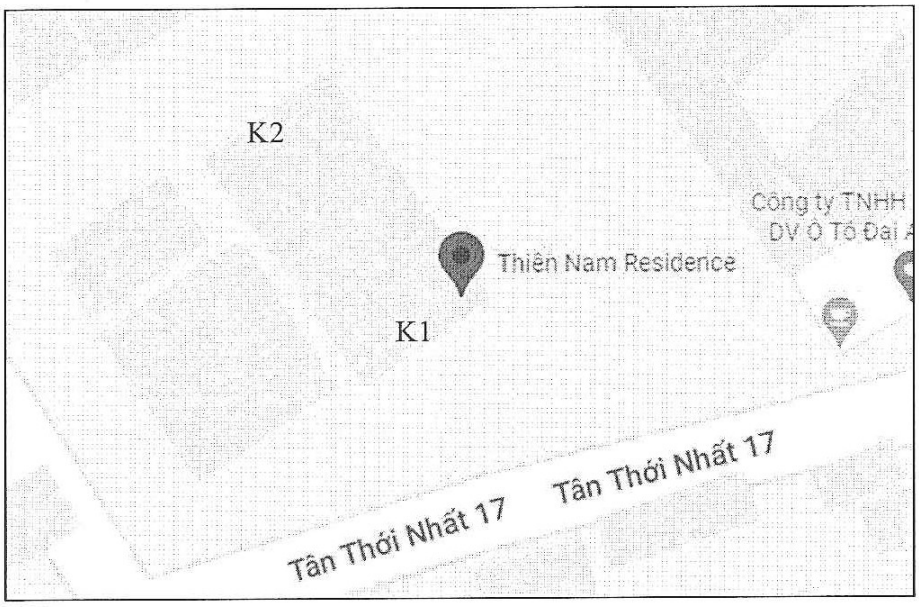

Hình 3.1: Vị trí lấy mẫu hiện trạng của dự án

Kết quả quan trắc chất lượng không khí như bảng sau:

Bảng 3.2: Kết quả phân tích vi khí hậu

Mã số mẫu	Thông số/ Parameter		
	Nhiệt độ, °C	Độ ẩm, %	Tốc độ gió, m/s
Ngày 29/03/2022			
K1	31,4	65,5	0,7
K2	31,8	68,7	0,6
Ngày 30/03/2022			
K1	30,4	63,5	0,6
K2	30,8	65,2	0,5
Ngày 31/03/2022			
K1	31,9	66,2	0,5
K2	31,5	62,8	0,7

Nguồn: Công ty Cổ phần dịch vụ môi trường Hải Âu

Bảng 3.3: Kết quả phân tích các mẫu không khí

Mã số mẫu	Thông số/ Parameter				
	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	CO (mg/m^3)
Ngày 29/03/2022					
K1	57,6	0,17	0,074	0,059	< 6
K2	60,9	0,18	0,081	0,065	< 6
Ngày 30/03/2022					
K1	65,6	0,12	0,086	0,072	< 6
K2	63,1	0,15	0,073	0,064	< 6
Ngày 31/03/2022					
K1	63,1	0,15	0,092	0,084	< 6
K2	66,2	0,17	0,085	0,071	< 6
QCVN 26:2010/BTNMT	**6h – 21h: 70**	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT	**--**	**0,3**	**0,35**	**0,2**	**30**

Nguồn: Công ty Cổ phần dịch vụ môi trường Hải Âu

Nhận xét: So sánh với QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, ta thấy tất cả các chỉ tiêu đo đạc đều thấp hơn ngưỡng cho phép.

CHƯƠNG IV. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án đã được được phê duyệt giấy xác nhận đăng kí kế hoạch bảo vệ môi quyết định số 5447/GXN-UBND-TNMT ngày 19/07/2018. Hiện tại dự án đã xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình bảo vệ môi trường, nên ở chương IV phần đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thay bằng kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

4.1.1. Thu gom thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng riêng biệt, độc lập với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa từ mái chính, sân thượng, theo các tuyến ống nằm ngang dẫn về các trục ống chính và thoát xuống hệ thống cống thoát nước mưa quanh mỗi căn hộ.

Các phễu thu nước mưa bằng ngang có lưới chắn rác, ống thoát nước mưa bằng nhựa PVC Φ140, nước mưa tầng trệt được thoát bằng đường ống nhựa ΦPVC 140. Nước mưa của mỗi căn hộ được thu gom bằng ống nhựa PVC Φ168 về hố ga thoát nước mưa của Khu dân cư, sau đó theo đường cống bê tông cốt thép D600 dẫn thoát vào hệ thống thoát nước chung của tuyến hẻm 27, phường Tân Thới Nhất.

Sử dụng ống tròn PVC đặt ngầm kết hợp với giếng thu hố ga hàm ếch để thoát nước mưa.

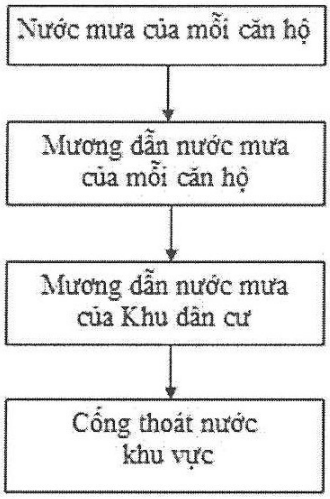

Hình 4.1: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa

4.1.2. Thu gom thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ các thiết bị Lavabo, nước rửa sàn các tầng của mỗi căn hộ được thu gom qua hệ thống ống nhựa PVC có đường kính 125mm sau đó dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn ở mỗi căn hộ để xử lý.

Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, âu tiểu các tầng của mỗi căn hộ được thu gom qua hệ thống ống nhựa PVC có đường kính 150mm sau đó dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn ở mỗi căn hộ để xử lý.

Lượng nước thải sau xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn theo đường ống nhựa PVC D220 dẫn về hố thu bằng bê tông cốt thép D300 của mỗi căn hộ, sau đó tiếp tục theo đường cống bê tông cốt thép D300 dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý trước khi dẫn thoát vào hệ thống thoát nước chung của tuyến hẻm 27, phường Tân Thới Nhất.

Hệ thống thu gom nước thải là cống BTCT D300, với chiều dài tổng cộng là 241,48 m được bố trí dọc trong cơ sở và vỉa hè. Độ dốc dọc của cống thoát nước là 3,33%.

Bể xử lý có kết cấu bằng Bê tông cốt thép, công suất xử lý 23 m^3/ngày đêm.

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

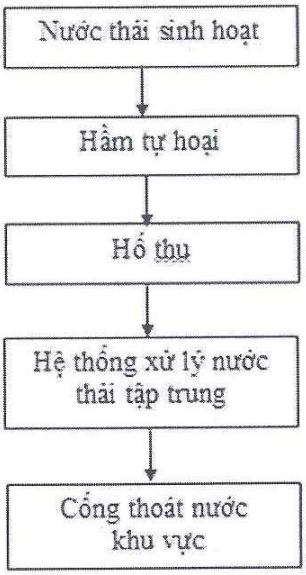

Hình 4.2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

4.1.3. Hệ thống xử lý nước thải

❖ ***Hầm tự hoại***

Nước thải sinh hoạt chảy vào bể tự hoại được làm sạch qua hai quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn lắng. Nước chảy qua bể rất chậm, thời gian lưu nước trong bể kéo dài 1 – 3 ngày, do trọng lượng của hạt cặn sẽ lắng xuống đáy bể, tách khỏi dòng nước chảy. Chất hữu cơ được phân hủy nhờ hoạt động của vi sinh vật yếm khí, cặn lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Sau khi qua bể tự hoại hàm lượng các chất ô nhiễm BOD5, COD và SS giảm đáng kể. Lượng nước sau khi xử lý bằng bể tự hoại được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

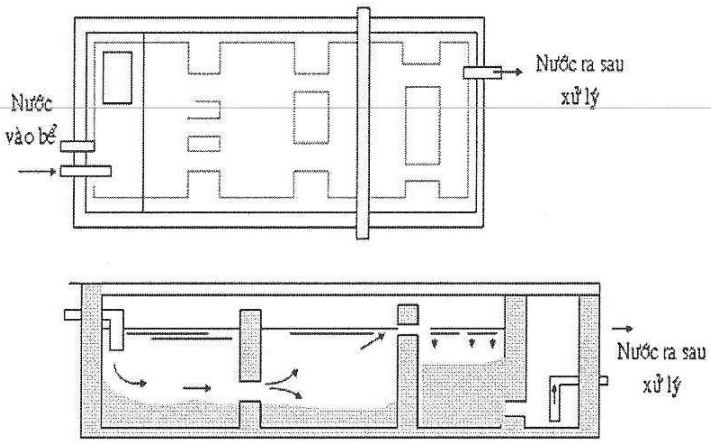

Hình 4.3: Sơ đồ bể tự hoại ba ngăn

❖ ***Hệ thống xử lý nước thải tập trung 23 m^3ngày/đêm***

Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn được dẫn vào trạm xử lý nước thải cục bộ với công suất 23 m3/ngày. Quy trình trạm xử lý nước thải cục bộ như sau:

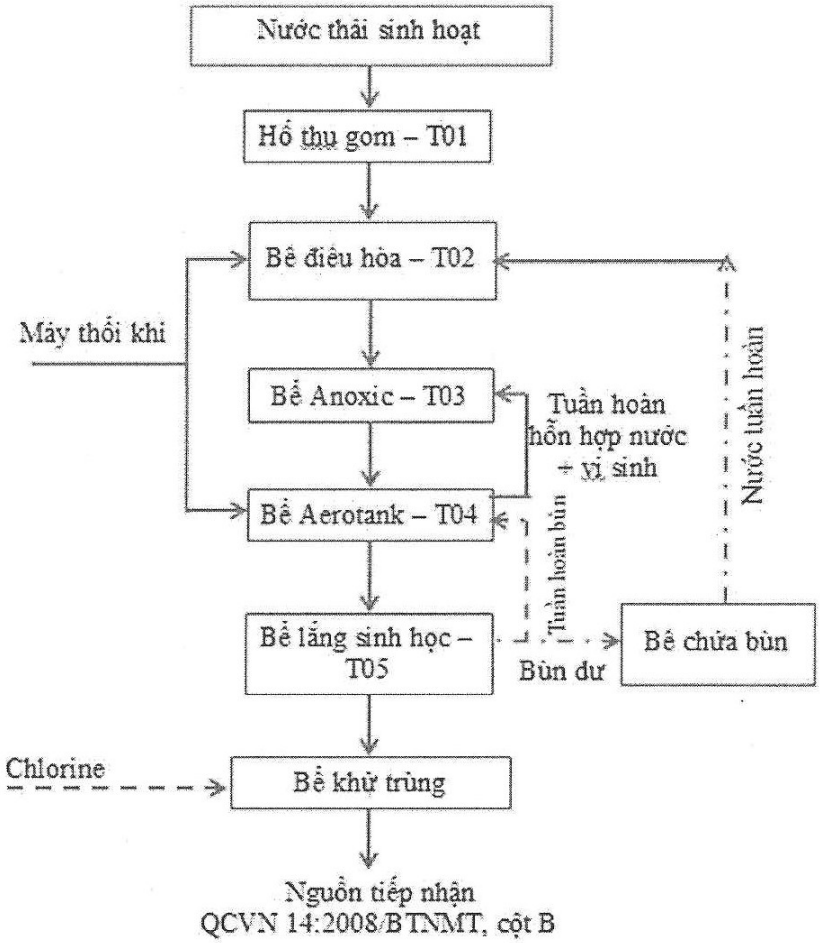

Hình 4.4: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tập trung 23 m^3 ngày/đêm

Thuyết minh quy trình xử lý:

Nước thải được thu gom và được dẫn qua song chắn rác. Tại đây, quá trình tách rác diễn ra bởi lược rác thô với khe chắn rác có kích thước khe 2 mm để loại bỏ các rác có kích thước lớn hơn kích thước lỗ như túi nylon, vỏ trái cây, giấy... Rác thải được lấy và thải bỏ định kỳ. Mục đích tác rác ra khỏi nước nhằm ngăn chặn sự mài mòn động cơ bơm tại các chu trình xử lý đơn vị tiếp theo. Ngăn chặn các chất lạ có thể gây kết tụ thành các chất rắn trong bể sinh học dẫn đến hệ thống xử lý kém hiệu quả.

Bể điều hòa:

Từ hố ga tại trung nước thải, nước sẽ được dẫn vào bể điều hòa của hệ thống xử lý bằng đường ống nhựa PVC. Bể điều hòa có tác dụng lưu lại nước thải với thời gian là 8h nhằm ổn định chất lượng nước để giảm thiểu đến mức có thể ảnh hưởng của các chất hoạt động bề mặt có trong nước thải đến quá trình xử lý sinh học phía sau. Sau khi chảy vào bể điều hòa, nước sẽ được bơm lên cụ bể xử lý sinh học.

Bể sinh học hiếu khí (Anoxic):

Xảy ra quá trình phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải dưới sự hoạt động của hệ vi sinh vật thiếu khí. Đồng thời xảy ra quá trình khử nitrat, chuyển hóa NO_3^- thành khí N_2 tự nhiên, thoát ra ngoài. Ngăn thiếu khí bổ sung hệ giá thể vi sinh cầu mút xốp, tăng lượng vi sinh, giúp khả năng tiếp xúc nước thải và vi sinh cao hơn, nâng cao hiệu suất xử lý

Bể sinh học hiếu khí (Aerotank):

Có nhiệm vụ xử lý các chất hữu cơ còn lại trong nước thải dưới sự tham gia của vi sinh vật hiếu khí. Trong bể sinh học có hệ thống sục khí trên khắp diện tích bể nhằm cung cấp oxi, tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật sống hiếu khí sống, phát triển và phân giải các chất ô nhiễm. Vi sinh vật hiếu khí sẽ tiêu thụ các chất hữu cơ dạng keo và hòa tan có trong nước để sinh trưởng. Vi sinh vật phát triển thành dạng quần thể bông bùn dễ lắng gọi là bùn hoạt tính. Khi vi sinh vật phát triển mạnh, sinh khối tăng tạo thành bùn hoạt tính dư. Hàm lượng bùn hoạt tính nên duy trì ở nồng độ MLSS trong khoảng 2500-4000 mg/l. Do đó tại bể Aerotank, 01 phần bùn dư từ bể lắng sẽ được dẫn tuần hoàn trở lại vào bể Aerotank để đảm bảo nồng độ bùn nhất định trong bể. Bể sinh học hiếu khí có vật liệu đệm là một bể chứa có cấu trúc bên trong gồm nhiều lớp giá thể và chứa các vi sinh đặc biệt có khả năng phân hủy sinh học cao. Các nhánh giá thể này tạo môi trường dính bám cho các vi sinh vật, mục đích làm tăng bề mặt tiếp xúc với vi sinh vật và nước thải khi đi qua. Các vi sinh vật đặc biệt thường được dùng là các chuẩn vi sinh vật có lợi, có khả năng phân giải các chất hữu cơ với các hoạt lực mạnh. Nhờ phần lớn lượng oxy hòa tan được đưa vào, kết hợp với 01 số chất vi lượng dinh dưỡng được bổ sung vào bể hiếu khí và nhiều yếu tố thích ứng khác mà các nhóm vi sinh vật sẽ phát triển mạnh mẽ tiết các enzim phân giải đặc trưng để phân giải triệt để và sản phẩm của quá trình này là chủ yếu là khí CO và sinh khối sinh vật, các sản phẩm nito và lưu huỳnh sẽ được các vi sinh vật hiếu khí chuyển thành dạng NO_3, SO_4 và chúng sẽ tiếp tục khử

nitrat, khử sunphat bởi vi sinh vật. Nước thải sau khi ra khỏi bể sinh học với thời gian lưu thích hợp sẽ đạt được BOD giảm 90-95% COD giảm 80-85%.

Hệ thống phân phối và cung cấp khí bố trí đều trên diện tích bể, hệ vật liệu tiếp xúc nhằm tăng khả năng tích tụ và phát triển vi sinh.

Bể lắng:

Nước thải chảy qua bể lắng để lắng các chất lơ lửng có trong nước thải bằng phương pháp lắng trọng lực.

Bể khử trùng:

Bể khử trùng được sử dụng để đảm bảo chất lượng nước đầu ra không có vi khuẩn gây bệnh và đạt tiêu chuẩn cho nước đầu ra. Hóa chất Chlorine được sử dụng làm hóa chất khử trùng để loại bỏ các vi sinh vật có trong nước thải. Cuối cùng nước thải được bơm thoát ra nguồn tiếp nhận.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1,2.

Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải và việc đấu nối vào cống thoát nước chung trên đường Tân Thới Nhất 17:

- Hiện tại, hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 23 m^3/ngày.đêm của dự án đã xây dựng, lắp đặt thiết bị hoàn chỉnh và đã nghiệm thu hoàn công.
- Việc đấu nối vào cống thoát nước chung trên đường Tân Thới Nhất 17: do Dự án Nâng cấp, mở rộng đường vào khu tái định cư phường Tân Thới Nhất, quận 12 (TTN17) do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông (trước đây là Khu 3) làm chủ đầu tư đã được Sở Giao thông vận tải phê duyệt tại quyết định số 6846/QĐ-SGTVT ngày 20/12/2016, hiện nay Tư vấn thiết kế đang hoàn thiện hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán để trình Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt chưa tiến hành thi công xây dựng nên thời điểm hiện tại nước thải sau xử lý của Dự án sẽ được đấu nối tạm vào hệ thống thoát nước của tuyến hẻm 27, phường Tân Thới Nhất, khi dự án Nâng cấp, mở rộng đường vào khu tái định cư phường Tân Thới Nhất quận 12 (TTN17) triển khai thi công Công ty sẽ thực hiện đấu nối hoàn chỉnh, đồng bộ hệ thống thoát nước của dự án vào hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Tân Thới Nhất 17.

4.2. Các biện pháp giảm thiểu chất thải

4.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Lượng rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng có khối lượng không lớn khoảng 25kg/ngày. Bố trí 04 thùng rác bằng nhựa loại 120 - 240 lít có nắp tại khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt.

Với các căn nhà đang hoạt động (hiện tại có 2 căn đang hoạt động) có khối lượng không lớn khoảng 2,6 kg/ngày/căn. Bố trí 32 thùng rác cho 32 căn hộ loại thùng 50 lít có nắp đậy.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để tiến hành thu gom và vận chuyển

đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật

4.2.2. Chất thải rắn xây dựng:

Chất thải rắn trong giai đoạn xây dựng của dự án tương đối lớn bao gồm: bao bì đựng vật liệu, xà bần, vật liệu vụn rơi (đá, cát, xi măng, vữa bê tông, thép vụn,...) ước tính dựa trên các công trình tương tự với khối lượng phát sinh khoảng 100 – 150 kg/ngày. Các loại xà bần xe được đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương, các loại vật liệu vụ rơi, bao bì, nhựa gỗ, đinh ốc vít,… sẽ được thu gom vào 3 thùng chứa 120 -240 lít sau đó thuê đơn vị chức năng xử lý

4.2.3. Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công và xây dựng dự án gồm có giẻ lau dính dầu mỡ, dầu, nhớt thải, thùng chứa sơn, bóng đèn huỳnh quang,... Khối lượng khoảng 10-15 kg/tháng. Sẽ được đơn vị có chức năng thu gom và xử lý

4.3. Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

4.3.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng

- Sử dụng phương tiện vận chuyển đã qua kiểm định của đơn vị có chức năng, đảm bảo khối lượng khí thải và độ ồn phát sinh khi hoạt động đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ xe, không sử dụng xe đã quá hạn sử dụng, vận hành đúng tải trọng, sử dụng nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp và đúng với tiêu chuẩn thiết kế nhằm hạn chế khí thải từ các phương tiện vận chuyển.

- Phủ kín các xe chuyên chở đất, nguyên vật liệu rời, tránh chở nguyên vật liệu quá tải trọng hoặc quá đầy để hạn chế sự lan tỏa của bụi và rơi vãi nguyên vật liệu trên đường. Đồng thời, khi có sự rơi vãi nguyên vật liệu cần phải tiến hành thu dọn ngay trong ngày.

- Ưu tiên chọn nguồn nguyên, vật liệu gần khu vực dự án để giảm quãng đường vận chuyển và công tác bảo quản nhằm giảm thiểu tối đa bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ gây ra các sự cố. Các vật liệu có sẵn tại địa phương như cát, xi măng, gạch, đá sẽ lấy tại địa phương hoặc khu vực lân cận để rút ngắn cự ly vận chuyển; đồng thời làm tăng nguồn thu từ cung ứng nguyên vật liệu cho địa phương.

- Phân bố mật độ xe ra vào chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, tránh gia tăng mật độ xe và ùn tắc giao thông gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực.

- Tất cả các xe ra khỏi công trường đều được rửa sạch để không mang theo đất cát và không gây ô nhiễm bụi trên các tuyến đường giao thông, đảm bảo mỹ quan các tuyến đường nơi phương tiện đi qua.

- Giảm tốc độ lưu thông của xe tải khi đi qua các khu vực dân cư.

- Cần kế hoạch thi công và kế hoạch cung cấp vật tư thích hợp. Hạn chế việc tập

kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu.

4.3.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình hoạt động xây dựng các hạng mục công trình của dự án

- Sử dụng tôn làm tường che chắn tạm thời tại các khu vực thi công, đào đắp phát tán bụi lớn.

- Xà bần được vận chuyển đi ngay trong ngày.

- Vệ sinh, dọn dẹp khu vực thi công sau mỗi ca làm việc.

- Không dùng các phương tiện, thiết bị vận chuyển và thi công không đạt chất lượng.

- Bố trí lịch thi công hợp lý, hạn chế thi công vào giờ nghỉ ngơi của dân cư khu vực xung quanh dự án.

- Phun nước làm ẩm bề mặt khu vực công trường thi công để giảm lượng bụi phát sinh vào giờ cao điểm và trong những ngày nắng nóng.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa.

4.4. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng dự án phát sinh từ các hoạt động của máy móc, phương tiện cơ giới, gây ảnh hưởng đến công nhân xây dựng và dân cư dọc tuyến đường và các công trình kiến trúc, nhà ở dọc tuyến. Do đó, để hạn chế ảnh hưởng thấp nhất của tiếng ồn và độ rung đến sức khỏe công nhân và người dân khu vực xung quanh dự án Chủ dự án thực hiện một số biện pháp sau:

- Điều tiết, lập kế hoạch thi công hợp lý, không đồng thời hoạt động tất cả các phương tiện máy móc cùng lúc, cùng địa điểm để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn và rung. Hạn chế hoạt động thi công vào các giờ nghỉ ngơi của công nhân và dân cư khu vực dự án.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện vận chuyển, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Trang bị các thiết bị thi công, máy móc phương tiện thi công hiện đại, đảm bảo hoạt động tốt; không sử dụng phương tiện, máy móc thi công quá cũ, kém chất lượng, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ để giảm thiểu tiếng ồn.

- Lắp đặt và bảo trì thường xuyên các thiết bị giảm thanh trên các thiết bị xây dựng để giảm tiếng ồn.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công.

- Hạn chế bóp còi và giảm tốc độ xe khi qua khu dân cư đông đúc.

4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành (không có)

4.6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (không có)

CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: hoạt động của công nhân (trong quá trình xây dựng) và hoạt động của người dân trong các căn hộ

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 23 m^3/ngày đêm

- Dòng nước thải: Nước thải sẽ được đưa về hệ thống xử đạt chuẩn trước khi thải ra khu vực tiếp nhận.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn của KCN Phúc Long, cụ thể như sau:

Bảng 5.1: Tiêu chuẩn giới hạn tiếp nhận

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1,2
1	pH	-	**5 – 9**
2	TSS	mg/L	**100**
3	BOD_5 (20^0C)	mg/L	**50**
4	TDS	mg/L	**1.000**
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	**4,0**
6	$N\text{-}NH_4^+$	mg/L	**10**
7	$N\text{-}N0_3^-$	mg/L	**50**
8	$P\text{-}PO_4^{3-}$	mg/L	**10**
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	**10**
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	**20**
11	Tổng Coliform	PMN	**5.000**

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: cống thoát nước chung của khu vực đoạn qua hẻm 27, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Tọa độ vị trí xả thải: X: 595 510; Y:1 197 238

+ Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn tiếp nhận của QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1,2

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước trên tuyến hẻm 27, Phường Tân Thới Nhất.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

6.1.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có

6.1.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án: không có

6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Bảng 6.1: Kinh phí quan trắc môi trường hằng năm

TSS	Hạng mục	Kinh phí (đồng/năm)
1	Kinh phí quan trắc môi trường nước hằng năm	20.000.000
	Tổng	**20.000.000**

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH thương mại dệt Thiên Nam

- Cam kết thực hiện các quy định hiện hành của Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và thực hiện dự án: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, các Luật và văn bản dưới luật có liên quan.

- Cam kết thực hiện đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra, các biện pháp an toàn lao động.

Cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày tại Chương 5 của báo cáo. Báo cáo định kỳ kết quả giám sát môi trường theo đúng quy định; Cam kết định kỳ hàng năm thực hiện việc giám sát môi trường theo các vị trí, tần suất cũng như các thông số về môi trường theo đúng quy định; Định kỳ có báo cáo gửi Phòng Tài nguyên và môi trường Quận 12 về tình hình và diễn biến của công tác bảo vệ môi trường tại dự án.

- Cam kết thông tin, số liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chính xác, trung thực.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường.